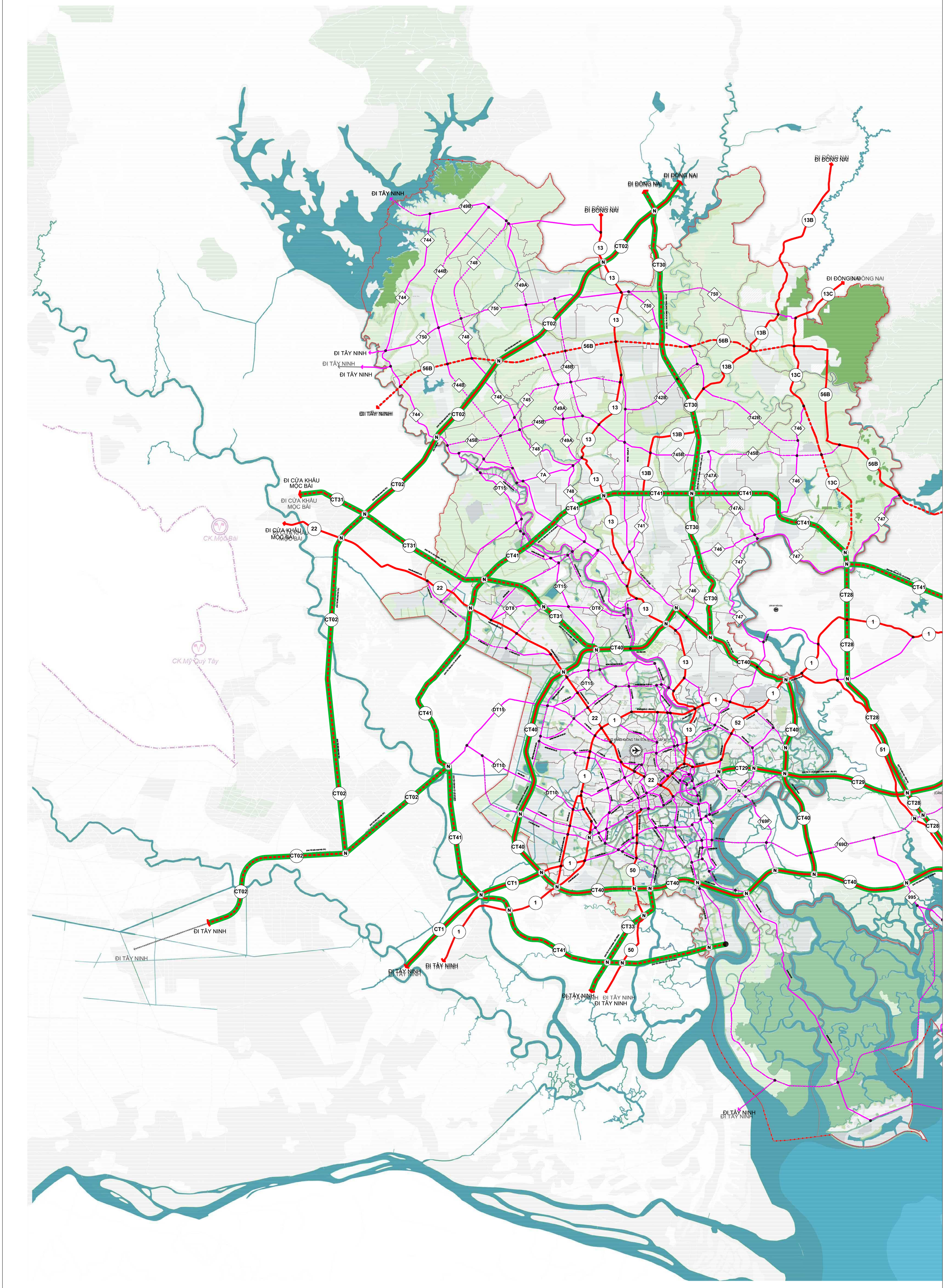

QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KỲ 2025 - 2050, TẦM NHÌN 100 NĂM

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TOÀN THÀNH PHỐ

QH08A

THỐNG KÊ MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ TP HỒ CHÍ MINH

TT	Tên đường	Quy mô
I	**Cao tốc**	
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02)	Cao tốc, 6 làn xe
2	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28)	Cao tốc, 6 - 8 làn xe
3	Cao tốc TP Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Dây (CT.29)	Cao tốc, 6 - 10 làn xe
4	Cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30)	Cao tốc, 6 làn xe
5	Cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Sóc Trăng (CT.33)	Cao tốc, 4 làn xe
6	Đường Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh (CT.40)	Cao tốc, 8 làn xe
7	Đường Vành đai 4 TP. Hồ Chí Minh (CT.41)	Cao tốc, 8 làn xe
8	Cao tốc Long Thành - Hồ Tràm	Cao tốc đô thị, 4 - 6 làn xe
II	**Quốc lộ**	
1	QL.1	III, 4 làn xe
2	QL.13	II - III, 6 làn xe
3	QL.13B	III, 4 làn xe
4	QL.13C	III, 4 làn xe
5	QL.22	I - II, 6 làn xe
6	QL.50	III, 4 làn xe
7	QL.51	I, 6 làn xe
8	QL.51C	III, 2 làn xe
9	QL.55	III, 4 làn xe
10	QL.56	III, 4 - 6 làn xe
11	QL.56B	III, 4 làn xe

Ghi chú:
- Quy mô đường cao tốc, quốc lộ tuân thủ theo: Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025
- Quy mô hệ thống đường tỉnh tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.
- Hệ thống Đường trục chính đô thị tuân thủ theo các Quy hoạch chung đô thị liên quan đã được phê duyệt

III	**Đường tỉnh**	
2.1	**Khu vực Bình Dương (cũ)**	
1	ĐT.741	II, 6 làn xe
2	ĐT.741B	III, 6 làn xe
3	ĐT.741C	III, 6 làn xe
4	ĐT.742	II, 6 làn xe
5	ĐT.741D	III,6 làn xe
6	ĐT.742B	II, 6 làn xe
7	ĐT742C	II, 6 làn xe
8	ĐT.743	II,6-8 làn xe
9	ĐT.743B	II, 6-8 làn xe và đường trên cao
10	ĐT.744	II, tối thiểu 4 làn xe
11	ĐT.744B	II, tối thiểu 4 làn xe
12	ĐT.745	II, 6 làn xe
13	ĐT.745B	II, tối thiểu 4 làn xe
14	ĐT.746	II, 6 làn xe
15	ĐT.746B	III, ĐĐT, tối thiểu 4 làn xe
16	ĐT.746C	III, tối thiểu 4 làn xe
17	ĐT.746D	III, ĐĐT, tối thiểu 4 làn xe
18	ĐT.746E	III, tối thiểu 4 làn xe
19	ĐT.746F	II, tối thiểu 4 làn xe
20	ĐT.746G	III, tối thiểu 4 làn xe
21	ĐT.747	II, 6 làn xe
22	ĐT.747B	II, 6-8 làn xe
23	ĐT.747C	II, 6 làn xe
24	ĐT.748	III, 6 làn xe
25	ĐT.748B	III, ĐĐT, tối thiểu 4 làn xe
26	ĐT.748C	II, 8 làn xe
27	ĐT.749	III, tối thiểu 4 làn xe
28	ĐT.749B	III, 6 làn xe
29	ĐT.749C	II-III, tối thiểu 4 làn xe
30	ĐT.749D	II, 6 làn xe
31	ĐT.749E	II, 6 làn xe
32	ĐT.749F	III, 10 làn xe
33	ĐT.749G	III, tối thiểu 4 làn xe
34	ĐT.750	III, tối thiểu 4 làn xe
35	ĐT.750B	III, tối thiểu 4 làn xe
36	ĐT.750C	III, tối thiểu 4 làn xe
37	ĐT.750D	III, tối thiểu 4 làn xe
38	ĐT.750E	III, tối thiểu 4 làn xe
39	ĐT.750F	III, tối thiểu 4 làn xe
40	Bàu Bàng - Mỹ Phước - Tân Vạn	II, 6-10 làn xe
41	Đường Độc lập	8-10 làn xe
42	Đường ven sông Sài Gòn	ĐĐT, 6-8 làn xe
43	Đường An Bình	ĐĐT, 6 làn xe
44	Đường ven sông Thị Tính	Tối thiểu 4 làn xe
2.2	**Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ)**	
45	ĐT.991 (Đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao-Bình Châu)	II-III, 4 - 6 làn xe
46	ĐT.992 (Đường Phước Hòa - Đá Bạc - Bông Trang)	II-III, 4 - 6 làn xe + đường gom
47	ĐT.993 (Đường Hòa Long - Long Tân - Phước Tân)	II-III, 4 - 6 làn xe
48	ĐT.994 (Đường ven biển Vũng Tàu - Bình Châu)	II-III, 4 - 6 làn xe
49	ĐT.995 (Đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	II, 6 - 10 làn xe
50	ĐT.995B (Đường Bà Rịa - Châu Pha - Hắc Dịch)	II-III, 6 làn xe
51	ĐT.996 (Tỉnh lộ 765)	II-III, 4 - 6 làn xe
52	ĐT.996B (Tỉnh lộ 44A)	II, 6 làn xe
53	ĐT.996C (Tỉnh lộ 44B)	II, 6 làn xe
54	ĐT.997 (Tỉnh lộ 992C)	II-III, 4 - 6 làn xe
55	ĐT.998 (Tỉnh lộ 328)	II-III, 4 - 6 làn xe
56	ĐT.999 (Tỉnh lộ 329)	II-III, 4 - 6 làn xe
57	ĐT.992B (đường Phước Hòa - Cái Mép)	II-III, 4 - 6 làn xe
58	ĐT.992C (đường 965)	II, 6 - 8 làn xe
59	ĐT.994B (đường trục chính Bà Rịa - Vũng Tàu)	Cao tốc đô thị với 4 - 6 làn xe + đường song hành; III, 6-10 làn xe
60	ĐT.994C (đoạn Quốc lộ 51 chuyển thành đường tỉnh)	III, 6 - 10 làn xe
61	ĐT.994D (Đường 30/4)	III, 4 - 6 làn xe
62	ĐT.994E (đường Hoàng Sa)	III, 6 - 8 làn xe
63	ĐT.995C (Nghĩa Thành - Cù Bị)	III, 2 - 4 làn xe
64	ĐT.996D (Châu Đức - Long Điền)	III, 4 - 6 làn xe
65	ĐT.999B (Hồ Cốc - Hòa Hiệp)	III, 4 làn xe
66	Đường vòng huyện Côn Đảo	IV miền núi,2 làn xe
2.3	**Khu vực TP Hồ Chí Minh (cũ)**	
67	Vành đai 2	6-14 làn xe
68	Đường tỉnh 15	II-III;4-8 làn xe
69	Đường Trần Văn Giàu	II-III; 4-8 làn xe
70	ĐườngNguyễn Văn Bứa	II-III;4-6 làn xe
71	Đường Hà Duy Phiên	II-III;4-8 làn xe
72	Tỉnh lộ 2	II-III;4-8 làn xe
73	Tỉnh lộ 6	II-III;4-6 làn xe
74	Tỉnh lộ 7	II-III;4-8 làn xe
75	Tỉnh lộ 8	II-III;4-8 làn xe
76	Đường Nguyễn Hữu Trí	II-III;4-6 làn xe
77	Đường Đinh Đức Thiện	II-III;4-6 làn xe

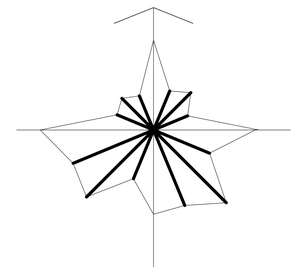

TỶ LỆ XÍCH:

KM
0 3 6 15

1 ĐV = 1.5 km

KÝ HIỆU:

HIỆN TRẠNG CẢI TẠO	QUY HOẠCH XÂY MỚI	
CT41	CT41	CAO TỐC
55	51C	QUỐC LỘ
996C	996C	ĐƯỜNG TỈNH
		ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ ..... NGÀY.....THÁNG ..... NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ ..... NGÀY.....THÁNG ..... NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ ..... NGÀY.....THÁNG ..... NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT:
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY.....THÁNG ..... NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THỜI KỲ 2025 - 2050, TẦM NHÌN 100 NĂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TOÀN THÀNH PHỐ

BẢN VẼ: QH08A	GHÉP: 2 A0	TỶ LỆ: 1/150.000	NGÀY: ...-...-2026
THIẾT KẾ	THS.KS.LÊ HUY PHONG		
CHỦ TRÌ	THS.KS.NGUYỄN ANH TUẤN		
PHÓ CHỦ NHIỆM	THS.KTS.SẦM MINH TUẤN		
	THS.KS.NGUYỄN ANH TUẤN		
	THS.KTS.LÊ HOÀNG PHƯƠNG		
CHỦ NHIỆM	PGS.TS.KTS HOÀNG VĨNH HƯNG		
QL.KỸ THUẬT			

VIỆN TRƯỞNG
PGS.TS.KTS HOÀNG VĨNH HƯNG

LIÊN DANH TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH

VIUP BỘ XÂY DỰNG
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA
TRỤ SỞ CHÍNH: 10 HOA LƯ - HÀ NỘI TEL : 04 22210888 FAX : 04 39764339 WEB : HTTPS://WWW.VIUP.VN

BCG BOSTON CONSULTING GROUP

NIKKEN